

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 31/03/12

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,416,673,968,406	2,506,099,226,006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		80,160,871,237	27,622,662,303
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,336,513,097,169	2,478,476,563,703
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2,138,319,242,999	2,199,180,018,897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		198,193,854,170	279,296,544,806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	12,065,936,541	15,432,251,145
7. Chi phí tài chính	22	22	34,251,999,405	120,503,260,028
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25,161,457,796	37,911,438,142
8. Chi phí bán hàng	24		55,809,894,562	40,483,818,789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		53,049,486,726	58,401,669,181
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		67,148,410,018	75,340,047,953
11. Thu nhập khác	31		3,029,059,768	84,359,623,004
12. Chi phí khác	32		456,217,949	2,080,859,479
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,572,841,819	82,278,763,525
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		889,908,911	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		70,611,160,748	157,618,811,478
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	18,684,662,864	38,534,872,266
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	12,200,968,137
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		51,926,497,884	106,882,971,075
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		3,238,367,026	1,637,237,422
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		48,688,130,858	105,245,733,653
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	704	1,512

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 30 tháng 04 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ